

Số: 2509 /QĐ-VPCNCLQG

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15;
Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-TĐC của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ngày 02 tháng 04 năm 2025 v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia;
Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

Có Hệ thống chứng nhận sản phẩm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17065:2012 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Tổ chức chứng nhận mang số hiệu: **VICAS 142 - PRO.**

Điều 3: Tổ chức chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Trường hợp Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản cung cấp dịch vụ chứng nhận thì Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 9 năm 2026 đến ngày 06 tháng 9 năm 2031. Tổ chức chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TS. Trần Thị Thu Hà



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 2509 /QĐ-VPCNCLQG ngày 07 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

Tiếng Anh/ in English: Fisheries Surveying, Testing and Accreditation Center

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 142 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/Head office:

Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

No 10 Nguyen Cong Hoan Street, Giang Vo Ward, Hanoi city, Vietnam

Tel: +84 243 7246077

Email: ttknknkdts@mae.gov.vn

Website: <https://tt3k.tongcucthuysan.gov.vn/>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period

Từ/ from 07 /9/2026 đến/ to 06 /9/2031



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/*Product certification for the following scopes:*

Thực phẩm, thuốc lá, thức ăn chăn nuôi/ Food, tobacco and animal feed

STT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Thức ăn thủy sản - Thức ăn hỗn hợp <i>Aquaculture feed - Compound feeds</i>	QCVN 93:2025/BNNMT	QĐR 24	PT5 PT7
2	Thức ăn thủy sản - Chất bổ sung (Thức ăn bổ sung) <i>Aquaculture feed - Feed supplements</i>	QCVN 94:2025/BNNMT	QĐR 25	PT5 PT7
3	Thức ăn thủy sản - Thức ăn tươi sống <i>Aquaculture feed - Fresh live feeds</i>	QCVN 100:2025/BNNMT	QĐR 26	PT5 PT7
4	Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản <i>Ingredients in aquaculture feed</i>	QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	QĐR 11, QĐR 14.	PT5 PT7
5	Thức ăn chăn nuôi (thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho động vật cảnh, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho vật nuôi khác) <i>Animal feed (traditional feed, feed additives, complete feed for pets, complete feed and concentrated for other domestic animals)</i>	QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	QĐR 14, QĐR 15, QĐR 19, QĐR 20, QĐR 21.	PT5 PT7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

STT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
6	Thức ăn chăn nuôi - Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm <i>Animal feed - Compound feeds for livestock</i>	QCVN 01-183:2016/BNNPTNT và QCVN 01-183:2024/BNNPTNT	QĐR 16, QĐR 17, QĐR 18.	PT5 PT7

Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products

STT No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Hóa chất, chế phẩm sinh học/ <i>Environmental treatment products in aquaculture - Chemical, biological products</i>	QCVN 97:2025/BNNMT	QĐR 27	PT5 PT7
2	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin)/ <i>Environmental treating products in aquaculture - Mineral mixture, vitamin mixture</i>	QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT	QĐR 12	PT5 PT7

Ghi chú/ Note: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ Fisheries Surveying, Testing and Accreditation Center must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.